

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 1341/2004/QĐ-BTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

***Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục hàng tiêu dùng ban hành kèm theo
Quyết định số 0404/2004/QĐ-BTM ngày 1/4/2004***

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Sau khi trao đổi với các Bộ, ngành hữu quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Loại trừ khỏi Danh mục Hàng tiêu dùng ban hành kèm theo Quyết định số 0404/2004/QĐ-BTM ngày 1/4/2004 của Bộ Thương mại các mặt hàng, nhóm hàng ghi trong Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và là bộ phận không tách rời của Quyết định số 0404/2004/QĐ-BTM ngày 1/4/2004 của Bộ Thương mại./.

CÁC NHÓM HÀNG, MẶT HÀNG LOẠI TRỪ KHỎI

DANH MỤC HÀNG TIÊU DÙNG

*(Phụ lục kèm theo Điều 1 Quyết định số 1341/2004/QĐ-BTM
ngày 21/9/2004 của Bộ Thương mại)*

Chương	Nhóm	Phân nhóm	Mô tả mặt

				hàng
			-- Thực phẩm cho trẻ em, chưa đóng gói để bán lẻ	
1901	90	11	--- Làm từ sản phẩm thuộc các nhóm 04.01 đến 04.04	
1901	90	12	--- Dùng cho trẻ em thiếu lactase	
1901	90	13	--- Sản phẩm dinh dưỡng y tế khác	
1901	90	19	--- Loại khác	
3401	20	20	-- Phôi xà phòng	
3402	20		- Chế phẩm đã đóng gói để bán lẻ:	
Chương 39	3926	90		- Loại khác, trừ các mã số 39269092, 39269093 và 39269096 vẫn thuộc Danh mục Hàng tiêu dùng.
Chương 50	5007			Vải dệt thoi dệt từ sợi tơ hoặc sợi kéo từ phế liệu tơ

5111			Vải dệt thoi từ sợi xe lông cừu chải thô hoặc từ sợi lông động vật loại mịn chải thô
5112			Vải dệt thoi từ sợi len lông cừu hoặc trải kỹ hoặc sợi từ lông động vật loại mịn chải kỹ
5113	00	00	Vải dệt thoi từ sợi lông động vật loại thô hoặc sợi lông đuôi hoặc bờm ngựa
5208			Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông từ 85% trở lên, trọng lượng không quá 200g/m ²
5209			Vải dệt thoi từ bông, có tỷ trọng bông từ 85% trở lên, trọng lượng trên 200g/m ²
5210			Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông dưới 85% pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có trọng lượng không quá 200g/m ²
5211			Vải dệt thoi từ sợi bông, có tỷ trọng bông dưới 85% pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có trọng lượng trên 200g/m ²
5212			Vải dệt thoi khác từ sợi bông
5309			Vải dệt thoi bằng sợi lanh
5310			Vải dệt thoi bằng sợi đay hoặc từ các loại sợi libe dệt khác thuộc